

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III - 2008

TP.HCM, TẠİ NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2008

	Kỳ này Triệu đồng	Đầu năm Triệu đồng
SỬ DỤNG VỐN		
I. Tiền mặt, chứng từ có giá trị ngoại tệ, kim loại quý, đá quý	5,091,558	3,335,063
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5,012,060	3,878,785
III. Tín phiếu kho bạc và giấy tờ có giá ngắn hạn đủ tiêu chuẩn khác	3,200,000	3,500,000
IV. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước và ở nước ngoài	5,181,306	4,655,106
V. Cho vay các tổ chức tín dụng khác	29,394	1,350
1. Cho vay các tổ chức tín dụng khác	29,582	1,350
2. Dự phòng rủi ro	(188)	-
VI. Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	32,753,160	35,200,574
1. Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	33,000,324	35,378,147
2. Dự phòng rủi ro	(247,164)	(177,573)
VII. Các khoản đầu tư	11,240,594	11,311,478
1. Đầu tư vào chứng khoán	9,680,841	9,815,870
2. Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	1,559,753	1,495,608
VIII. Tài sản	1,601,623	1,021,372
1. Tài sản cố định	1,599,565	1,019,813
+ Nguyên giá TSCĐ	1,774,142	1,158,656
+ Hao mòn TSCĐ	(174,577)	(138,843)
2. Tài sản khác	2,058	1,559
IX. Tài sản "Có" khác	2,482,194	1,669,147
1. Các khoản phải thu	1,220,934	625,001
2. Các khoản lãi cộng dồn dự thu	773,820	705,195
3. Tài sản "Có" khác	487,440	338,951
4. Các khoản dự phòng rủi ro khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	66,591,889	64,572,875

NGUỒN VỐN

I. Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước và TCTD khác	793,788	4,073,977
---	---------	-----------

1.Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	-	-
2.Tiền gửi của TCTD khác	793,788	4,073,977
II.Vay ngân hàng Nhà nước, TCTD khác	1,854,199	1,185,177
1.Vay ngân hàng Nhà nước	329,984	750,177
2.Vay TCTD trong nước	1,524,215	435,000
3.Vay TCTD ở nước ngoài	-	-
4.Nhận vốn cho vay đồng tài trợ	-	-
III.Tiền gửi của tổ chức kinh tế, dân cư	45,715,542	44,231,944
IV.Vốn tài trợ ủy thác đầu tư mà ngân hàng chịu rủi ro	1,045,170	1,003,293
V.Phát hành giấy tờ có giá	7,776,195	5,197,380
VI.Tài sản "Nợ" khác	1,437,146	1,531,445
1.Các khoản phải trả	469,538	739,561
2.Các khoản lãi cộng dồn dự trả	860,383	588,853
3.Tài sản "Nợ" khác	107,225	203,031
VII.Vốn và các quỹ	7,969,849	7,349,659
1.Vốn của TCTD	6,329,502	5,662,485
+ Vốn điều lệ	5,115,831	4,448,814
+ Thặng dư vốn cổ phần	1,212,723	1,212,723
+ Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	795	795
+ Vốn khác	153	153
2.Quỹ của TCTD	636,120	452,645
3.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5,004)	-
4.Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế	1,009,231	1,234,529
a. Lợi nhuận /(Lỗ) năm nay	813,426	
b. Lợi nhuận /(Lỗ) lũy kế năm trước	195,805	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	66,591,889	64,572,875

Đây là báo cáo hợp nhất của Tập đoàn chưa được kiểm toán

Người lập
Nguyễn Viết An
Ngày 25 tháng 10 năm 2008

Kế toán trưởng
Lê Hùng Cường

Tổng Giám Đốc
Trần Xuân Huy

Mã chứng khoán : **STB**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT

QUÝ III NĂM 2008
(Áp dụng cho tổ chức niêm yết là tổ chức tín dụng)

Đơn vị tính : Triệu VND

Stt	Nội dung	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế
I	Tổng thu nhập	2,505,970	2,167,150	6,559,244
II	Tổng chi phí	2,291,655	1,842,175	5,607,604
III	Lợi nhuận trước thuế (*)	214,315	324,975	951,639
IV	Lợi nhuận sau thuế	175,649	280,792	813,426
V	Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật			
1	Trích lập các quỹ:	-	-	356,991
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	107,945
	- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ	-	-	55,167
	- Quỹ dự phòng tài chính	-	-	145
	- Các quỹ khác	-	-	193,734
2	Sử dụng các quỹ	6,935	6,723	173,516
VI	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) (đồng/ cổ phiếu)	2,532	3,203	2,532
VII	Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên ngân hàng	6,9 triệu đồng	6,8 triệu đồng	6,9 triệu đồng
VIII	Cổ tức đã trả trên một cổ phiếu	-	-	-

(*) Lợi nhuận trước thuế của **kỳ này** là lợi nhuận **phát sinh trong quý 3 năm 2008**, lợi nhuận trước thuế của **kỳ trước** là lợi nhuận **phát sinh trong quý 2 năm 2008**. Còn **lợi nhuận lũy kế** là **lợi nhuận lũy kế từ đầu năm đến quý 3-2008**.
 Đây là báo cáo hợp nhất của Tập đoàn chưa được kiểm toán

 Người lập
 Nguyễn Viết An
 Ngày 25 tháng 10 năm 2008

 Kế toán trưởng
 Lê Hùng Cường

 Tổng Giám Đốc
 Trần Xuân Huy